

## CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
đã được kiểm toán

### CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



**Trụ sở chính:**

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84-4) 38241990 /1.

Fax: (84-4) 3 8253973

E-mail: [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)

Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

**Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:**

63 Trần Khánh Dư, Quận 1

TP Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 35265796 / 7

Fax: (84-8) 38435590

E-mail: [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

**VPDD tại Quảng Ninh:**

Cột 2, Đường Nguyễn Văn Cừ,

TP Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84-33) 3627571

Fax: (84-33) 3627572

E-mail: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE tiền thân là Nhà máy Ống thép Việt Đức - đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo Quyết định số 15/2007/QĐ-CT ngày 29/01/2007, đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp quyết định tách một phần tài sản và vốn góp của các cổ đông hiện có để thành lập Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE.

Tên giao dịch của Công ty là: Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company. Tên viết tắt là: VG PIPE.,JSC.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép;
- Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men;
- Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, vận tải bê tông tươi;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

### Công ty con

#### Tên đơn vị

- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức

#### Địa chỉ

- KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Đỗ Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thế	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2010

T.M. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Lê Minh Hải





# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 21 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 08 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biển

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>849.528.333.378</b>	<b>224.871.297.335</b>
110	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>364.894.295.703</b>	<b>2.232.788.360</b>
111	1 Tiền	3	364.894.295.703	2.232.788.360
130	<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>194.555.882.918</b>	<b>80.225.162.006</b>
131	1 Phải thu của khách hàng		138.554.009.403	77.331.319.778
132	2 Trả trước cho người bán		54.996.351.675	2.833.949.767
135	5 Các khoản phải thu khác		1.005.521.840	59.892.461
140	<b>IV Hàng tồn kho</b>		<b>241.335.833.569</b>	<b>135.027.655.692</b>
141	1 Hàng tồn kho	4	241.335.833.569	135.027.655.692
150	<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48.742.321.188</b>	<b>7.385.691.277</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		6.442.097	80.607.071
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		5.485.552.593	1.042.016.537
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	4.752.440	2.250.036.591
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	6	43.245.574.058	4.013.031.078
200	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>279.462.355.039</b>	<b>205.340.273.927</b>
220	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>266.432.206.589</b>	<b>188.662.221.147</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	175.089.757.561	171.086.190.936
222	- Nguyên giá		235.559.053.738	211.902.338.159
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.469.296.177)	(40.816.147.223)
227	3 Tài sản cố định vô hình	8	17.491.182.122	17.576.030.211
228	- Nguyên giá		18.354.489.829	18.285.739.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(863.307.707)	(709.709.618)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	73.851.266.906	-
250	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	10	<b>2.030.701.490</b>	<b>8.114.019.275</b>
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	8.114.019.275
258	3 Đầu tư dài hạn khác		2.030.701.490	-
260	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.999.446.960</b>	<b>8.564.033.505</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	11	10.999.446.960	8.564.033.505
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.128.990.688.417</b>	<b>430.211.571.262</b>


 KẾ TOÁN  
 M. 10. 10

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>623.008.678.729</b>	<b>283.757.324.169</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>557.654.763.981</b>	<b>255.801.376.056</b>
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	458.955.841.766	227.227.906.940
312	2 Phải trả người bán		92.341.657.367	23.037.841.347
313	3 Người mua trả tiền trước		2.219.146.884	4.434.018.591
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.996.532.306	123.194.044
315	5 Phải trả người lao động		1.091.400.000	-
316	6 Chi phí phải trả	14	382.019.422	360.760.118
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	668.166.236	617.655.016
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>65.353.914.748</b>	<b>27.955.948.113</b>
334	4 Vay và nợ dài hạn	16	65.088.810.334	27.799.271.409
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		265.104.414	156.676.704
400	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>494.373.414.828</b>	<b>146.404.247.093</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>489.153.191.986</b>	<b>144.471.204.981</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	125.997.100.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		65.269.904.788	30.450.000
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(3.508.514.890)	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		51.153.413	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		7.684.617.444	3.221.107.112
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		3.717.308.722	1.485.553.556
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.941.622.509	13.736.994.313
430	<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>5.220.222.842</b>	<b>1.933.042.112</b>
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.220.222.842	1.933.042.112
439	<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>11.608.594.860</b>	<b>50.000.000</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.128.990.688.417</b>	<b>430.211.571.262</b>





**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	23.620
5 Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		774.923,18	1.443,12

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Thị Nhi

Lập ngày 08 tháng 01 năm 2010  
Tổng Giám đốc  
  
Lê Minh Hải



10203  
CÔNG  
TACH NHẬP  
DỊCH VỤ  
TÀI CHÍNH  
VÀ KI  
HOÀN

3000254-C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP  
- ĐỨC  
PIPE  
- T. VĨNH PHÚC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.122.633.065.231	1.081.147.648.808
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	19	5.957.375.278	3.455.725.165
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.116.675.689.953	1.077.691.923.643
11	4 Giá vốn hàng bán	21	1.007.768.026.680	1.000.854.109.748
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.907.663.273	76.837.813.895
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	22	10.157.097.154	12.026.665.157
22	7 Chi phí tài chính	23	26.927.156.270	35.111.987.580
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.664.563.772	33.529.009.866
24	8 Chi phí bán hàng	24	31.231.970.201	27.904.863.805
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.999.973.947	10.520.394.248
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		47.905.660.009	15.327.233.419
31	11 Thu nhập khác		1.981.569.296	278.208.686
32	12 Chi phí khác		1.572.012.680	272.659.971
40	13 Lợi nhuận khác		409.556.616	5.548.715
45	14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	80.619.275
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.315.216.625	15.413.401.409
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.357.667.329	766.639.107
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		44.957.549.296	14.646.762.302
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.719.597	-
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		44.955.829.699	14.646.762.302
70	19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3,340	2,039

Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Nhi

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc


  
Lê Minh Hải

35J - C/M  
14  
HỮU MINH  
TUYỀN  
KẾ TOÁN  
H TOÁN  
11. 1P. H

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>48.315.216.625</b>	<b>15.413.401.409</b>
02	Khấu hao tài sản cố định		20.042.782.499	7.221.310.700
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	8.206.448
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.491.298.805)	(798.553.856)
06	Chi phí lãi vay		27.069.635.077	33.529.009.866
08	<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>91.936.335.396</b>	<b>55.373.374.567</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(80.931.471.585)	(28.166.613.010)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(101.974.045.035)	(21.260.391.124)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.865.938.950	(38.723.867.720)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(853.158.899)	812.449.962
13	Tiền lãi vay đã trả		(27.090.320.869)	(32.191.260.627)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.048.042.898)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.819.871.525	25.857.511.932
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(64.705.036.344)	(25.489.306.279)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(142.931.886.861)</b>	<b>(66.836.145.197)</b>
	<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	<b>1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>		<b>(84.420.990.242)</b>	<b>(103.138.798.984)</b>
22	<b>2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.962.048.757</b>	<b>57.000.000</b>
23	<b>3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị</b>		<b>13.856.700.000</b>	<b>-</b>
25	<b>5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>-</b>	<b>(683.400.000)</b>
26	<b>6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>200.000.000</b>	<b>-</b>
27	<b>7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		<b>3.559.641.349</b>	<b>960.894.033</b>
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(62.842.600.136)</b>	<b>(102.804.304.951)</b>
	<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	<b>1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu</b>		<b>317.551.326.466</b>	<b>-</b>
32	<b>2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành</b>		<b>(3.508.514.890)</b>	<b>-</b>
33	<b>3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được</b>		<b>1.168.713.669.222</b>	<b>811.234.381.560</b>
34	<b>4 Tiền chi trả nợ gốc vay</b>		<b>(907.064.195.471)</b>	<b>(660.668.564.893)</b>
36	<b>6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</b>		<b>(7.307.444.400)</b>	<b>-</b>
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>568.384.840.927</b>	<b>150.565.816.667</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		362.610.353.930	(19.074.633.481)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.232.788.360	21.296.605.099
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.153.413	10.816.742
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>364.894.295.703</b>	<b>2.232.788.360</b>

Người lập



Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhi



Ngày 08 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

Lê Minh Hải





**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

11353 - C  
TY  
HỮU HẠN  
VĨNH  
KẾ TOÁN  
TOÁN  
TR. HÀ NH

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m<sup>2</sup> đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m<sup>2</sup> đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m<sup>2</sup> đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm.
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất;
- Chi phí trong giai đoạn đầu tư trước khi đi vào hoạt động;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

- Công cụ, dụng cụ tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm kể từ ngày 27/12/2006.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu;



- Công ty được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/5/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuế đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuế đất đến 04/12/2020.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192210000014 ngày 23 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28/11/2008 thì Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được hưởng các ưu đãi sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15 % trong vòng 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50 % số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo.
- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;
- Được miễn tiền thuế đất 11 (mười một) năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192032000038 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp ngày 09/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 19/08/2009 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được hưởng những ưu đãi sau:

- Đối với lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bu lông, ốc vít, các sản phẩm từ thép: thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong 10 (mười) năm và sau đó 25% (hai mươi lăm phần trăm) trong những năm tiếp theo;

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại các sản phẩm từ thép: thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án;
- Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa được nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 08 năm 2005 và Điều 16 Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3 . TIỀN**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	9.046.413.398	448.220.616
Tiền gửi ngân hàng	355.847.882.305	1.784.567.744
<b>Cộng</b>	<b>364.894.295.703</b>	<b>2.232.788.360</b>

**4 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	287.966.555	23.900.662.366
Nguyên liệu, vật liệu	92.840.282.584	56.935.833.464
Công cụ, dụng cụ	170.960.951	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.183.435.395	4.583.648.305
Thành phẩm	129.375.667.380	48.267.356.413
Hàng hoá	1.477.520.704	1.340.155.144
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>241.335.833.569</b>	<b>135.027.655.692</b>

**5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT	4.752.440	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	834.510.787
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.415.525.804
<b>Cộng</b>	<b>4.752.440</b>	<b>2.250.036.591</b>

**6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tạm ứng	505.079.059	168.320.578
Tài sản thiếu chờ xử lý	187.649.680	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	42.552.845.319	3.844.710.500
<b>Cộng</b>	<b>43.245.574.058</b>	<b>4.013.031.078</b>

01/02/2010  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC VG PIPE  
 DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ HẠ tầng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	63.716.442.620	137.955.013.381	9.888.844.408	342.037.750	-	211.902.338.159
2. Số tăng trong năm	3.015.705.330	21.273.056.794	1.367.498.165	109.727.272	-	25.765.987.561
- Mua sắm mới	3.015.705.330	6.350.150.750	1.130.835.438	-	-	10.496.691.518
- Tăng khác	-	14.922.906.044	236.662.727	109.727.272	-	15.269.296.043
3. Số giảm trong năm	-	-	2.109.271.982	-	-	2.109.271.982
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.109.271.982	-	-	2.109.271.982
4. Số dư cuối năm	66.732.147.950	159.228.070.175	9.147.070.591	451.765.022	-	235.559.053.738
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	9.466.397.430	28.050.295.548	3.121.540.774	177.913.471	-	40.816.147.223
2. Số tăng trong năm	2.977.001.576	16.103.761.382	1.224.993.139	121.663.701	-	20.427.419.798
- Trích khấu hao	2.977.001.576	13.978.654.380	1.162.346.564	66.800.064	-	18.184.802.584
- Tăng khác	-	2.125.107.002	62.646.575	54.863.637	-	2.242.617.214
3. Số giảm trong năm	-	-	774.270.844	-	-	774.270.844
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	774.270.844	-	-	774.270.844
4. Số dư cuối năm	12.443.399.006	44.154.056.930	3.572.263.069	299.577.172	-	60.469.296.177
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Đầu năm	54.250.045.190	109.904.717.833	6.767.303.634	164.124.279	-	171.086.190.936
2. Cuối năm	54.288.748.944	115.074.013.245	5.574.807.522	152.187.850	-	175.089.757.561

Tại thời điểm 31/12/2009, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình (trừ giá trị của Nhà xưởng 2 mới đầu tư) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

19  
CÔNG TY  
HỮU HẠN  
TỰ VẬN  
KẾ TOÁN  
HIỆM TOẠI  
THÁNG 12

01:00 04 ... 02/01/10

## 8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	18.219.064.829	66.675.000	18.285.739.829
2. Số tăng trong năm	-	68.750.000	68.750.000
- Mua sắm mới	-	36.750.000	36.750.000
- Tăng khác	-	32.000.000	32.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	680.493.704	29.215.914	709.709.618
2. Số tăng trong năm	123.290.253	30.307.836	153.598.089
- Trích khấu hao	123.290.253	15.907.836	139.198.089
- Tăng khác	-	14.400.000	14.400.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	803.783.957	59.523.750	863.307.707
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu năm	17.538.571.125	37.459.086	17.576.030.211
2. Cuối năm	17.415.280.872	75.901.250	17.491.182.122

Tại thời điểm 31/12/2009, toàn bộ giá trị còn lại tài sản cố định vô hình (trừ giá trị quyền sử dụng đất tại Khu biệt thự nhà vườn thuộc Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội) đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

## 9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	73.851.266.906	-
- Dự án Sản xuất thép chất lượng cao	73.851.266.906	-
<b>Cộng</b>	<b>73.851.266.906</b>	<b>-</b>

## 10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	8.114.019.275
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	-	8.114.019.275
Đầu tư dài hạn khác	2.030.701.490	-
<b>Cộng</b>	<b>2.030.701.490</b>	<b>8.114.019.275</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	2.030.701.490	-
<b>Cộng</b>	<b>2.030.701.490</b>	<b>-</b>

Trong năm Công ty có mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn (mã chứng khoán BCC) với khối lượng 162.000 cổ phần. Giá giao dịch đóng cửa tại ngày 31/12/2009 là 13.300 đồng/cổ phiếu.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	7.470.334.522	7.646.799.117
Chi phí trong giai đoạn đầu tư trước khi đi vào hoạt động	974.605.681	473.148.436
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.387.267.253	340.085.889
Chi phí trả trước dài hạn khác	167.239.504	104.000.063
<b>Cộng</b>	<b>10.999.446.960</b>	<b>8.564.033.505</b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	457.205.841.766	219.587.906.940
- Vay ngân hàng	457.205.841.766	210.602.135.455
- Vay cá nhân	-	8.985.771.505
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.750.000.000	7.640.000.000
<b>Cộng</b>	<b>458.955.841.766</b>	<b>227.227.906.940</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên (1)	178.193.710.302	144.126.613.360
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên (2)	64.125.623.970	61.071.403.543
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (3)	140.409.480.103	5.404.118.532
Chi nhánh Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt tại Hà Nội (4)	27.982.181.794	-
Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng Giao dịch Vĩnh Phúc (5)	38.330.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (6)	8.164.845.597	-
Nguyễn Văn Thiêm	-	8.985.771.505
<b>Cộng</b>	<b>457.205.841.766</b>	<b>219.587.906.940</b>

031353  
 NG TY  
 KIỂM TOÁN  
 VỤ TƯ VẤN  
 KINH KẾ TỐ  
 KIỂM TOÁN  
 VIỆT - TP

**Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay**

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐHM ngày 29/04/2009, hạn mức cho vay tối đa là 260 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của hợp đồng từ 29/04/2009 đến 31/03/2010, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Nợ gốc được hoàn trả trước hạn hoặc một lần khi đến hạn. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, được áp dụng theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản thế chấp, cầm cố của Công ty, của bên thứ ba và các tài sản đảm bảo khác của Công ty tại ngân hàng; đảm bảo bằng doanh thu và các khoản thu nhập được chuyển vào tài khoản tiền gửi, số dư tiền gửi của Công ty tại ngân hàng.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 08.14.0050/HĐTD ngày 29/04/2009, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để sản xuất kinh doanh ống thép các loại. Thời hạn của hợp đồng đến ngày 30/04/2010, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Nợ gốc được hoàn trả khi đến hạn trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 9,7%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD, lãi trả hàng tháng. Vốn vay theo hình thức không có tài sản bảo đảm.

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 08.14.0062/HĐHM ngày 20/10/2008, hạn mức cho vay tối đa là 50 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ 20/10/2008 đến 20/10/2009, Hợp đồng tín dụng số 09.14.0075/HĐHM ngày 06 tháng 11 năm 2009 thay thế cho hợp đồng tín dụng số 08.14.0062/HĐHM ngày 20/10/2008 hạn mức cho vay tối đa là 50 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ 06/11/2009 đến 06/11/2010, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Nợ gốc được hoàn trả trước hạn hoặc một lần khi đến hạn. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, được áp dụng theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản thế chấp 02 giá trị quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG PIPE (Công ty mẹ), với tổng giá trị tài sản thế chấp được xác định là 40 tỷ đồng.

(3) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 228/HĐHMTD/TCB-Vĩnh Phúc, hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Nợ gốc được hoàn trả một lần khi đến hạn. Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển (nguyên vật liệu và thành phẩm ống thép).

(4) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01-3713/2009/HĐTD ngày 11/8/2009 giữa chi nhánh Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt tại Hà Nội và Công ty CP Ông thép Việt Đức VG PIPE với mục đích mua USD để thanh toán LC số 4261037000290 và LC số 4261037000272 mở tại Ngân hàng BIDV Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng số tiền vay bằng ngoại tệ là USD1.527.411,67 trong thời hạn 6 tháng lãi suất 4% được đảm bảo bằng toàn bộ tiền ký quỹ tại tài khoản số 020007300027146 mở tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại Hà Nội của công ty CP Ông thép Việt Đức VG PIPE với số tiền tương ứng là 27.982.181.794 VND. Nợ gốc được trả vào ngày 11/2/2010, lãi được tính và thu hàng tháng.

(5) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 26/09/TD/II.13 ngày 15/08/2009, hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán tiền mua thép cuộn. Thời hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2009, thời hạn vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Nợ gốc được hoàn trả khi đến hạn trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng, lãi trả hàng tháng. Vốn vay theo hình thức thế chấp toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại mọi thời điểm bao gồm: Nguyên, nhiên liệu; Bán thành phẩm; Thành phẩm.

(6) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐ ngày 06/01/2009, hạn mức cho vay tối đa là 10 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, được áp dụng theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản là máy móc thiết bị thuộc dây chuyền đồng bộ trong sản xuất sản phẩm công nghiệp chính xác và phương tiện vận tải.



## 13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.942.141.525	-
Thuế Thu nhập cá nhân	54.390.781	123.194.044
<b>Cộng</b>	<b>1.996.532.306</b>	<b>123.194.044</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	177.628.922	198.314.714
Trích trước chi phí phải trả khác	204.390.500	162.445.404
<b>Cộng</b>	<b>382.019.422</b>	<b>360.760.118</b>

## 15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	194.410.213	366.359.001
Kinh phí công đoàn	195.066.812	125.778.872
Bảo hiểm xã hội	112.957.611	125.517.143
Phải trả, phải nộp khác	165.731.600	-
<b>Cộng</b>	<b>668.166.236</b>	<b>617.655.016</b>



## 16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	65.088.810.334	27.799.271.409
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (1)	20.159.271.409	27.799.271.409
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc	44.929.538.925	-
<b>Cộng</b>	<b>65.088.810.334</b>	<b>27.799.271.409</b>

## Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn hạn mức số 01/2007 ngày 01/10/2007, hạn mức cho vay tối đa là 40 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư dự án " Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn ". Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 72 tháng. Nợ gốc được hoàn trả theo lịch trả nợ của hợp đồng. Lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng một lần theo quy định của Ngân hàng . Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp toàn bộ tài sản, số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh, các khoản phải thu theo hợp đồng mã bên vay là người thụ hưởng.

(2) Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2452/HDTD/TH-PN/TCB-VP ngày 19/9/2009, số tiền vay tối đa là 110 tỷ đồng. Thời hạn vay: 84 tháng trong đó ân hạn trả gốc trong 24 tháng (Tuy nhiên sẽ tiến hành thu gốc ngay sau 3 tháng kể từ khi có doanh thu) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thép hình chất lượng cao. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng/ 1 lần vào các ngày 2/1; 1/4; 1/7; 1/10 hàng năm và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - Hội sở chính/Chi nhánh Vĩnh Phúc tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên cho vay tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo.

313  
HKG  
THÀNH  
CH YU  
CHINH  
VAY  
YONP

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIẾP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm							
Số dư đầu năm	70.000.000.000	70.000.000.000	47.419.000.000	-	-	1.764.492.810	757.246.405	11.358.696.072	131.299.435.287
Tăng vốn trong năm	55.997.100.000	55.997.100.000	-	-	-	-	-	-	55.997.100.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	14.646.762.302	14.646.762.302
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	2.184.921.453
Giảm vốn trong năm	-	-	47.388.550.000	-	-	-	-	-	47.388.550.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>125.997.100.000</b>	<b>125.997.100.000</b>	<b>30.450.000</b>	-	-	<b>3.221.107.112</b>	<b>1.485.553.556</b>	<b>13.736.994.313</b>	<b>144.471.204.981</b>
Tăng vốn trong kỳ	250.000.000.000	250.000.000.000	65.239.454.788	-	-	-	-	-	315.239.454.788
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	51.153.413	-	-	-	44.955.829.699
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	6.746.418.911
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	3.508.514.890	-	-	-	-	3.508.514.890
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>65.269.904.788</b>	<b>(3.508.514.890)</b>	<b>51.153.413</b>	<b>7.684.617.444</b>	<b>3.717.308.722</b>	<b>39.941.622.509</b>	<b>489.153.191.986</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của Nhà nước Vốn góp của đối tượng khác	Cuối năm		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	
	-	0%	
	375.997.100.000	100%	
<b>Cộng</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	125.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	125.997.100.000	70.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	250.000.000.000	55.997.100.000
- Vốn góp cuối năm	375.997.100.000	125.997.100.000

## d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	12.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	12.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	271.200	-
- Cổ phiếu phổ thông	271.200	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.328.510	12.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.328.510	12.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

## e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.684.617.444	3.221.107.112
Quỹ dự phòng tài chính	3.717.308.722	1.485.553.556
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.220.222.842	1.933.042.112
<b>Cộng</b>	<b>16.622.149.008</b>	<b>6.639.702.780</b>

## 18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán thành phẩm	699.380.410.227	705.776.951.105
Doanh thu bán hàng hóa	423.252.655.004	375.370.697.703
<b>Cộng</b>	<b>1.122.633.065.231</b>	<b>1.081.147.648.808</b>

## 19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chiết khấu thương mại	1.076.427.479	210.864.981
Giảm giá hàng bán	2.172.548.187	67.558.022
Hàng bán bị trả lại	2.708.399.612	3.177.302.162
<b>Cộng</b>	<b>5.957.375.278</b>	<b>3.455.725.165</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	693.560.493.702	702.321.225.940
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	423.115.196.251	375.370.697.703
<b>Cộng</b>	<b>1.116.675.689.953</b>	<b>1.077.691.923.643</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	595.587.553.727	633.908.326.748
Giá vốn của hàng hóa đã bán	412.180.472.953	366.945.783.000
<b>Cộng</b>	<b>1.007.768.026.680</b>	<b>1.000.854.109.748</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.559.641.349	198.593.482
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.511.654.423	11.315.130.257
Lãi bán hàng trả chậm	1.085.762.919	190.143.918
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.463	322.797.500
<b>Cộng</b>	<b>10.157.097.154</b>	<b>12.026.665.157</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	26.664.563.772	33.529.009.866
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	32.329.005	1.507.178.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	225.299.814	54.603.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.206.448
Chi phí tài chính khác	4.963.679	12.988.827
<b>Cộng</b>	<b>26.927.156.270</b>	<b>35.111.987.580</b>

2009/12  
CÔNG TY  
THÀNH HỮU  
CH VỤ TỰ  
CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM T  
VĨNH PHÚC

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	711.214.482	256.326.089
Chi phí nhân công	2.669.014.185	1.387.917.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.340.758	586.019.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.602.736.284	25.095.883.698
Chi phí khác bằng tiền	613.664.492	578.717.244
<b>Cộng</b>	<b>31.231.970.201</b>	<b>27.904.863.805</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.138.841.696	1.308.746.533
Chi phí nhân công	4.397.213.646	3.048.085.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.053.246.249	1.920.135.430
Chi phí dự phòng	(450.193.932)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.926.334.341	2.771.621.602
Chi phí khác bằng tiền	1.934.531.947	1.471.805.285
<b>Cộng</b>	<b>12.999.973.947</b>	<b>10.520.394.248</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.796.667.613	766.639.107
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(1.439.000.284)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.357.667.329</b>	<b>766.639.107</b>

(\*) Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu. Do đó, thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng đối với lợi nhuận từ hoạt động thương mại là 25%; đối với lợi nhuận từ tiêu thụ trong nước thành phẩm sản xuất là 10% và đối với lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm sản xuất thuế suất 5% .

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50 % số thuế phải nộp trong vòng 07 năm tiếp theo. Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2009 do vậy năm 2009 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất. Công ty có thu nhập chịu thuế kể từ năm 2008. Trong năm 2009, hoạt động thương mại của Công ty bị lỗ.



**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	44.955.829.699	14.646.762.302
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.955.829.699	14.646.762.302
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.458.317	7.184.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.340	2.039

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2009 VND</u>	<u>Năm 2008 VND</u>
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	93.281.566.742	251.056.038.064
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	25.426.281.444	111.293.984.069

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2009 VND</u>	<u>Năm 2008 VND</u>
Phải thu			
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.410.844.661	391.857.024

(\*) Vợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO).



30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập

  
Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Nhi



ngày 08 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

Lê Minh Hải